

Số: 49/2021/QĐST- DS

N, ngày 11 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 205/2019/TLST-DS ngày 24 háng 7 năm 2019, thụ lý bổ sung ngày 10 tháng 7 năm 2020 và thụ lý bổ sung ngày 26 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Hoàng Trung K.**

Địa chỉ HKTT: Tổ 4 ấp B, xã T, huyện C, tỉnh A.

- Bị đơn: Ông **Tô Văn N** (có đơn phản tố).

Địa chỉ: 211/8C đường 3/2, phường H, quận N, thành phố C.

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông **Ngô Văn Đ** (theo Giấy ủy quyền số công chứng 5089, quyền số: 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2020 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thanh Đình) –Địa chỉ: 34 đường T, phường A, quận N, thành phố C.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trần Thị Đ** (có đơn yêu cầu độc lập).

Địa chỉ: 211/8C đường 3/2, phường H, quận N, thành phố C. Đại diện ủy quyền của bà Đ: Ông **Lâm Quốc C** (theo Giấy ủy quyền số công chứng: 630, quyền số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/01/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Đình).

Địa chỉ: 34 đường T, phường A, quận N, thành phố C.

- Ông **Võ Trọng K1.**

Địa chỉ: 112 T, phường C, quận N, thành phố C.

- Ông **Nguyễn Thanh H.**

Địa chỉ: 83 U, phường C, quận N, thành phố C.

- Văn phòng Công chứng N.

Địa chỉ: 02 N, phường T, quận N, thành phố C.

- **Văn phòng công chứng C.**

Địa chỉ: 93 L, phường A, quận N, thành phố C.

- **Ngân hàng TMCP X** (Có đơn khởi kiện độc lập).

Địa chỉ: 198 T, phường L, quận H, thành phố H.

Đại diện ủy quyền của Ngân hàng: Bà **Nguyễn Quế A** (Theo giấy ủy quyền số 83/UQ-CTH-HCNS ngày 24/02/2021).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

- Chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số Công chứng 3682 quyền số 02/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/4/2019 tại VP Công chứng N được ký giữa ông Phạm Hoàng Trung K và bị đơn ông Tô Văn N.

- Ông Tô Văn N, bà Trần Thị Đ đồng ý nhận chuyển nhượng lại QSH nhà ở và QSDĐ ở đối với các tài sản sau:

1. GCNQSHN nhà ở và QSDĐ ở số 5401140458 ngày cấp 09/7/1999 được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Phạm Hoàng Trung K vào ngày 12/4/2019, tài sản thuộc thửa đất số 120-127, tờ bản đồ số 18-19 tọa lạc tại địa chỉ Cạnh 211/8C đường 3/2, phường H, quận N, thành phố C.

2. GCN QSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 688528 (số vào sổ cấp GCN: CS06863) do Sở tài nguyên môi trường thành phố C cấp ngày 20/12/2016, chỉnh lý biến động sang tên ông Phạm Hoàng Trung K vào ngày 16/5/2019, tài sản thuộc thửa đất số 43A, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường H, quận N, thành phố C.

- Ông Tô Văn N, bà Trần Thị Đ thống nhất cùng liên đới sẽ trả các khoản nợ sau:

1. Trả toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP X tạm tính đến ngày 03/6/2021 là **5.339.450.000 đồng** theo Hợp đồng cho vay số 176/2019/PGDNCT ngày 17/5/2019 và Hợp đồng cho vay số 124/2019/PGDNCT ngày 12/4/2019.

2. Trả cho ông Phạm Hoàng Trung K số tiền **1.440.000.000 đồng**.

Thời gian thực hiện việc trả nợ Ngân hàng và giao trả tiền cho ông Phạm Hoàng Trung K là từ ngày hòa giải đến hết ngày 30/6/2021.

- Ông đồng ý trả lãi cho Ngân hàng TMCP X tạm tính đến ngày 03/6/2021 là **285.369.708 đồng**.

Sau khi ông Phạm Hoàng Trung K trả tất nợ lãi cho Ngân hàng TMCP X; ông Tô Văn N và bà Trần Thị Đ đã thực hiện xong các nghĩa vụ trên (bao gồm nghĩa vụ trả tất nợ gốc cho Ngân hàng TMCP X và trả cho ông K) thì ông N và bà Đ được nhận lại Bản gốc các tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP X để liên hệ các cơ quan chức năng làm thủ tục xóa thế chấp và chỉnh lý biến động sang tên 02 tài sản vừa nêu trên qua tên của ông Tô Văn N và bà Trần Thị Đ.

Trường hợp đến hết ngày 30/6/2021 mà bị đơn ông Tô Văn N và bà Trần Thị Đ không thực hiện được các nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP X và với nguyên đơn ông Phạm Hoàng Trung K thì ông Tô Văn N, bà Trần Thị Đ đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp là: *QSHN nhà ở và QSDĐ ở số 5401140458 ngày cấp 09/7/1999 được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Phạm Hoàng Trung K vào ngày 12/4/2019, tài sản thuộc thửa đất số 120-127, tờ bản đồ số 18-19 tọa lạc tại địa chỉ Cạnh 211/8C đường 3/2, phường H, quận N, thành phố C và QSDDQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 688528 (số vào sổ cấp GCN: CS06863) do Sở tài nguyên môi trường thành phố C cấp ngày 20/12/2016, chỉnh lý biến động sang tên ông Phạm Hoàng Trung K vào ngày 16/5/2019, tài sản thuộc thửa đất số 43A, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường H, quận N, thành phố C* để Ngân hàng yêu cầu Thi hành án, thi hành thu hồi toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Phần còn thừa sau khi thi hành án cho Ngân hàng ông K sẽ nhận 1.400.000.000 đồng, nếu còn dư lại (nếu có dư) bao nhiêu ông N, bà Đ được nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Tô Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật, tuy nhiên do ông Tô Văn N và bà Trần Thị Đ là người cao tuổi nên không phải chịu án phí (*điểm đ khoản 1 Điều 12 NQ 326 ngày 31/12/2016*). Nguyên đơn ông Phạm Hoàng Trung K được nhận lại 7.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008152 ngày 25/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố C. Ngân hàng TMCP X được nhận lại 56.743.998 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003830 ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố C.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông K tự nguyện nộp, nguyên đơn ông K đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG